

Số/ No.: 20250715/KTGD/FUEKIV30-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2025
Ho Chi Minh City, July 15, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam

/To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Invest.

- Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/ KIM GROWTH VN30 ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUEKIV30
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 14/07/2025
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	1,900	4.03%
2	BCM	100	0.64%
3	BID	100	0.36%
4	BVH	100	0.50%
5	CTG	300	1.25%
6	FPT	700	8.28%
7	GAS	100	0.63%
8	GVR	200	0.56%
9	HDB	1,100	2.51%
10	HPG	4,000	9.71%
11	LPB	1,100	3.39%
12	MBB	1,300	3.24%
13	MSN	800	5.72%
14	MWG	1,000	6.34%
15	PLX	100	0.35%
16	SAB	100	0.45%
17	SHB	1,400	1.86%
18	SSB	800	1.44%
19	SSI	600	1.66%
20	STB	800	3.56%
21	TCB	1,800	5.87%
22	TPB	500	0.69%
23	VCB	400	2.34%
24	VHM	1,000	8.21%
25	VIB	900	1.63%
26	VIC	1,100	11.09%
27	VJC	300	2.80%
28	VNM	800	4.47%
29	VPB	1,600	3.01%
30	VRE	900	2.40%
II. Tiền/ Cash			
	Tiền/ Cash (VND)	10,735,743	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value : (VND)

1,060,090,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF : (VND)

1,070,825,743

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value : (VND)

10,735,743

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ In case stock can be replaced by cash:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	22,700	MAS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	38,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BVH	53,700	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	MBB	26,700	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các chỉ tiêu khác/ Other criteria:

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*) 14/07/2025	Kỳ trước/ Last period (**) 11/07/2025	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation units issued			-
2. Số lô đã mua lại/ Creation units redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	202,400,000	202,400,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ Closing price	10,790.00	10,760.00	30.00
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	2,167,351,304,620	2,133,966,827,241	33,384,477,379
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	1,070,825,743	1,054,331,436	16,494,307
của 1 CCQ/ per Share	10,708.25	10,543.31	164.94
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,605.66	1,594.01	11.65

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 13/07/2025

/ Item 5 is net asset value at 13/07/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 10/07/2025

/ Item 5 is net asset value at 10/07/2025

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Yun Hang Jin
TỔNG GIÁM ĐỐC